

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ CÔNG BẰNG VÀ BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI

NGUYỄN MINH HOÀN (*)

Ông lao của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta nói riêng, đối với phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới nói chung là vô cùng to lớn. Tôn vinh giá trị di sản lý luận của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của Người là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, tư tưởng về công bằng và bình đẳng xã hội của Người được thể hiện như một trong những mục tiêu căn bản nhất của sự nghiệp đấu tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trực tiếp chứng kiến tất cả những gì xảy ra trong đời sống kinh tế - xã hội của các nước trên thế giới mà Người từng đặt chân đến cũng như nghiên cứu tình hình cụ thể của xã hội Việt Nam vào giai đoạn trước cách mạng, Hồ Chí Minh đưa ra kết luận khẳng định rằng, trong chế độ xã hội thực dân, phong kiến hoàn toàn không có công bằng và bình đẳng xã hội; rằng, trong xã hội đó, "... nhân dân chỉ có nghĩa vụ, như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu mà không có quyền lợi"(1). Trên thực tế, công nhân và nông dân là lực lượng chủ yếu sáng tạo nên những của cải vật chất trong xã hội và nhờ có sức lao động của họ, xã

hội mới tồn tại, phát triển. Song, có một sự vô lý và bất công là những người lao động thì suốt đời nghèo khổ, trong khi một số ít người không lao động lại "ngồi mát ăn bát vàng". Giải thích căn nguyên dẫn đến "nỗi chẳng công bằng này", Hồ Chí Minh cho rằng, đó là "Vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những tư liệu sản xuất của xã hội"(2). Đồng thời, Người còn vạch rõ, trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của bọn thống trị là được thoả mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo.

Từ những đánh giá và nhận định trên, Hồ Chí Minh đưa ra kết luận rằng, công bằng và bình đẳng xã hội thực sự chỉ có được trong chế độ xã hội mới; rằng, dưới chế độ dân chủ cộng hoà, "Nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi"(3). Hơn nữa, sự công bằng và bình đẳng của chế độ xã hội chủ nghĩa còn được bảo đảm bằng những cơ sở vững chắc. Điều này thể hiện ở chỗ: "Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động... Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ"(4).

(*) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.7. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 219.(2) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.203.(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.219.(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.310.

Tư tưởng về công bằng và bình đẳng xã hội được Hồ Chí Minh thể hiện một cách sinh động, linh hoạt trong những hoàn cảnh và tình huống cụ thể khác nhau của quá trình xây dựng đất nước. Một điều cần lưu ý là, khi nói đến công bằng xã hội, Hồ Chí Minh thường gắn nó với quan niệm về bình đẳng xã hội, mà ở đây chính là *mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi*. Nói cách khác, Hồ Chí Minh đã coi công bằng xã hội chính là sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Với quan niệm như vậy, Người đòi hỏi tất cả những người lao động ngày nay đều phải nhận rõ *minh là người chủ nước nhà* và đã có quyền hạn làm chủ, thì phải *làm trọn nghĩa vụ của người chủ* - đó là *cần kiệm xây dựng nước nhà*, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, bình đẳng trước hết là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; đồng thời, việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và hưởng thụ quyền lợi ấy lại chính là thực hiện *công bằng xã hội*. Từ đó, chúng ta thấy rằng, việc thực hiện một chế độ phân phối công bằng, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, chính là thực hiện nguyên tắc phân phối trong đó phần hưởng thụ *ngang bằng* với mức độ đóng góp, cống hiến của từng cá nhân, chứ hoàn toàn không phải là sự ngang bằng về hưởng thụ giữa các cá nhân mà không tính đến sự cống hiến của từng người. Người cho rằng, trong chủ nghĩa xã hội, nguyên tắc phân phối công bằng là: "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được

hưởng". Đây là nguyên tắc phân phối công bằng và phù hợp với điều kiện nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là khi đất nước vừa thoát khỏi chế độ thực dân, phong kiến và còn gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế. Do đó, sự bình đẳng của những người lao động trong mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, mà cụ thể là sự ngang bằng về địa vị làm chủ nước nhà, làm chủ tư liệu sản xuất là những điều kiện cơ bản hàng đầu mà chế độ xã hội mới tạo ra, bảo đảm cho mỗi người đều có thể phát huy mọi khả năng của mình để cùng vươn tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, công bằng xã hội không chỉ biểu hiện như là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà còn là một *động lực* thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, một biện pháp căn bản để hiện thực hoá những giá trị, lý tưởng cao cả của chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện hiện nay, khi chúng ta đang chuyển sang thực hiện nền kinh tế thị trường, một số nhà nghiên cứu lại đưa ra ý kiến cho rằng, công bằng xã hội chỉ có thể thực hiện được khi đã có sự phát triển của kinh tế, hoặc khẳng định rằng, khi chưa có nền kinh tế phát triển mà thực hiện công bằng xã hội thì có thể dẫn đến chủ nghĩa bình quân cào bằng. Phải chăng là "Đối với những nước nghèo, đang vươn ra khỏi vạch tắt yếu, thì việc giải quyết vấn đề công bằng, nhân văn thiếu cơ sở kinh tế. Trên một nền kinh tế có lượng thặng dư thấp, việc giải quyết vấn đề công bằng dễ rơi vào công bằng bình quân và nhân văn theo khung khổ của nền kinh tế sinh tồn, chậm phát triển. Mà sự tái lập công bằng bình quân và nhân văn của nền kinh tế

sinh tồn, chậm phát triển là sự co kéo trong cái đậm bạc, nghèo, sẽ kìm hãm sự phát triển"(5)? Theo chúng tôi, vấn đề không hẳn là như vậy. Một nước nghèo, có nền kinh tế kém phát triển không đồng nghĩa với việc không thể thực hiện công bằng xã hội. Đối với Hồ Chí Minh, việc thực hiện công bằng xã hội là một *yêu cầu bức thiết* của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế còn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nhằm bảo đảm sự ổn định và phát triển của xã hội. Theo quan điểm của Người, ngay cả khi không thiếu vật tư, hàng hoá nhưng lại phân phối không đúng, thì vẫn có thể gây ra những căng thẳng không cần thiết. Bởi vậy, phương châm chỉ đạo của Hồ Chí Minh trong công tác lưu thông phân phối là:

Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng;

Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên.

Mặt khác, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, thực hiện công bằng xã hội với nguyên tắc ngang bằng giữa cống hiến và hưởng thụ trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt trong hoàn cảnh của nước nhà còn nhiều khó khăn về kinh tế, cũng không có nghĩa là có thể làm cho đời sống của nhân dân có ngay được sự no đủ. Do đó, không được coi việc thực hiện công bằng xã hội như là một *sự cào bằng trong nghèo khổ*. Người khẳng định: "Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bản cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hy sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng"(6). Hơn nữa, với quan niệm coi công bằng xã hội chính là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, một lần nữa, Người nhấn mạnh: "Chủ

nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng, v.v. làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con. Thế ta đã đến đấy chưa? Chưa đến. Chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần"(7).

Để vượt qua hoàn cảnh còn nhiều khó khăn về kinh tế, Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân phát huy tinh thần đồng cam cộng khổ, đùm bọc, tương thân tương ái, đoàn kết, hợp tác vì mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mặc dù cho rằng, sự chia sẻ, đồng cam cộng khổ là một điều rất hay, rất tốt, nhất là trong hoàn cảnh còn thiếu thốn trăm bề, song Hồ Chí Minh vẫn giữ quan điểm nhất quán về công bằng và bình đẳng xã hội; kiên quyết chống lại sự đồng nhất tinh thần đồng cam cộng khổ với chủ nghĩa bình quân. Người nói: "Đồng cam cộng khổ là một tinh thần cần phải có, nhưng nếu bình quân chủ nghĩa thì lại không đúng. Bình quân chủ nghĩa là gì? Là ai cũng như ai, bằng hết... Bình quân chủ nghĩa là trái chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng"(8).

Như vậy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, công bằng và bình đẳng là một mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới. Nó không phải là chủ nghĩa bình quân cào bằng trong sự nghèo khổ. Mục tiêu của chế độ xã hội mới là không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, là phấn đấu:

"Làm cho người nghèo thì đủ ăn.

Người đủ ăn thì khá giàu

(5) Lê Cao Đoàn. *Triết lý phát triển - quan hệ công nghiệp - nông nghiệp, thành thị - nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.459.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.568.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.226.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.386.

Người khá giàu thì giàu thêm"(9).

Những quan điểm trên đây của Hồ Chí Minh một lần nữa cho thấy, ngoài ý nghĩa là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công bằng và bình đẳng xã hội còn mang ý nghĩa là *động lực* thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Việc thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội kích thích mọi người, tùy theo khả năng, sức lực của mình, cùng tham gia xây dựng một cuộc sống mới, từng bước vươn tới xã hội cộng sản - một xã hội trong đó "*Mọi người làm hết tài năng; ai cần dùng gì có lấy*"(10).

Xuất phát từ sự phân biệt rõ ràng, cụ thể mối quan hệ giữa công bằng và bình đẳng xã hội, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh đến việc phải *phân biệt rõ lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân*. Theo Người, chúng ta phải tôn trọng *lợi ích cá nhân* nhằm động viên mỗi người không ngừng phấn đấu, cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới; đồng thời, đấu tranh chống lại *chủ nghĩa cá nhân* nhằm ngăn chặn tác hại của nó đối với lợi ích chung của xã hội. Bởi "*Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân*" và vì vậy, "*... thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*"(11).

Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng lưu ý những người cộng sản rằng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "*giày xéo lên lợi ích cá nhân*", mà phải thấy là "... chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện

để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình"(12). Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh đến sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân với lợi ích chung của xã hội và cho rằng, "*lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được đảm bảo thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn*"(13). Việc bảo vệ lợi ích chung, tức là bảo vệ điều kiện để thực hiện lợi ích cho mỗi cá nhân, được coi là một biện pháp nhằm bảo đảm công bằng xã hội. Cũng vậy, nguyên tắc hành động "*mình vì mọi người, mọi người vì mình*" mà Hồ Chí Minh đưa ra không chỉ là một giá trị văn hoá trong quan hệ ứng xử giữa con người với con người, mà còn thể hiện sự công bằng trong quan hệ lợi ích giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể và cộng đồng.

Tựu trung lại, sự phân tích trên đây cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng và bình đẳng xã hội chứa đựng những nội dung quan trọng, được thể hiện một cách độc đáo và sáng tạo. Tư tưởng về công bằng xã hội của Người được coi là một nguyên tắc cơ bản không chỉ trong quan hệ lợi ích kinh tế, mà cả trong nhiều quan hệ xã hội khác của con người. Do đó, có thể khẳng định rằng, tư tưởng của Hồ Chí Minh về vấn đề này là một trong những đóng góp quan trọng cho sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác nói chung và lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nói riêng. □

(9) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.65.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.245.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.291, 292.

(12) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.291.

(13) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.291.